

Số:21/2019/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phân công, phân cấp cơ quan quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phân công, phân cấp cơ quan quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 9 năm 2019.

Quyết định này thay thế Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Quy định cơ quan kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn, thực phẩm nông lâm thủy sản và phân công, phân cấp cơ quan quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục QLCL NLS&TS - Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- MTTQVN tỉnh VL và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP. UBND tỉnh
- Báo Vĩnh Long, Đài PT-TH VL;
- Công TTĐT của UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu: VT, 4.01.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phân công, phân cấp cơ quan quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2019/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc hoạt động, cơ quan thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản; cơ quan quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với các quy định khác về quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo Luật An toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã*) và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (*sau đây gọi tắt là cơ sở*).

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và phối hợp trong công tác thẩm định, quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Trên cơ sở các quy định của Luật An toàn thực phẩm; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm và bảo đảm phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo sự thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã; bảo đảm việc quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

3. Bảo đảm nguyên tắc một cửa, một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước. Trường hợp cơ sở sản xuất,

kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thì phân công một cơ quan chủ trì thẩm định, quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, cơ quan liên quan có trách nhiệm cử cán bộ tham gia các hoạt động thẩm định, quản lý với cơ quan chủ trì (nếu có yêu cầu từ cơ quan chủ trì); cơ quan được giao chủ trì thẩm định, quản lý chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, quản lý đối với cơ sở thuộc đối tượng được phân công, phân cấp cụ thể như sau:

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc thẩm quyền thẩm định, quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y với các Chi cục Thủy sản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thì Chi cục Chăn nuôi và Thú y chịu trách nhiệm thẩm định, quản lý.

b) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc thẩm quyền thẩm định, quản lý của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật với Chi cục Thủy sản thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm thẩm định, quản lý.

c) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc thẩm quyền thẩm định, quản lý của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản với các chi cục khác trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chịu trách nhiệm thẩm định, quản lý.

d) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc thẩm quyền thẩm định, quản lý của các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã thì cơ quan cấp cao hơn chịu trách nhiệm thẩm định, quản lý.

4. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp thẩm định, quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phải được bàn bạc, giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

Chương II

QUY ĐỊNH CƠ QUAN THẨM ĐỊNH, QUẢN LÝ

Điều 4. Cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Nội dung quy định cơ quan thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cụ thể tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 5. Phân công, phân cấp cơ quan quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Nội dung quy định phân công, phân cấp cơ quan quản lý cụ thể tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực

phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh theo phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công, phân cấp theo quy định này.

3. Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hoạt động thẩm định, quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản của các cơ quan được phân công, phân cấp theo quy định này.

Điều 7. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, cân đối nguồn theo khả năng ngân sách hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí cho các cơ quan thẩm định, quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong trường hợp nguồn thu không đảm bảo trang trải chi phí thu theo quy định.

Điều 8. Các chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì tổ chức thực hiện thẩm định, quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân công tại các Phụ lục của quy định này.

2. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ được giao nhiệm vụ và cho các phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo quy định này.

3. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) theo chế độ báo cáo hiện hành.

4. Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản có trách nhiệm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản), Ủy ban nhân dân tỉnh theo chế độ báo cáo hiện hành.

Điều 9. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn huyện theo phân cấp của quy định này.

2. Phân công Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế chịu trách nhiệm thẩm định, quản lý điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn huyện theo phân cấp tại các Phụ lục của quy định này.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ được giao nhiệm vụ và cho Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo quy định này.

4. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu, bố trí nguồn lực, kinh phí triển khai công tác thẩm định, quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện theo quy định.

5. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) theo chế độ báo cáo hiện hành.

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn xã theo phân cấp của quy định này.

2. Phân công cán bộ chịu trách nhiệm quản lý điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn xã theo phân cấp tại Phụ lục 2 của quy định này.

3. Cử cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản tham dự các lớp đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ do cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức.

4. Chỉ đạo Bộ phận Tài chính - Kế hoạch tham mưu, bố trí nguồn lực, kinh phí triển khai công tác quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn xã theo quy định.

5. Báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế) theo chế độ báo cáo hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, các cá nhân, tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bằng văn bản để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH, CHỨNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT,
KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số 21 /2019/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Cơ quan thẩm định và loại sản phẩm	Loại hình cơ sở
I	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	
1	Chăn nuôi động vật trên cạn (bao gồm cả côn trùng dùng làm thực phẩm như: <i>châu chấu, dế, nhộng tằm,...</i>); sơ chế sản phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.	Cơ sở sản xuất do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc được xác định đạt tiêu chí kinh tế trang trại.
2	Giết mổ gia súc, gia cầm.	Toàn bộ cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3	Thịt và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn tươi sống dùng làm thực phẩm (bao gồm cả mật ong, sản phẩm sữa ong chúa, các sản phẩm từ yến).	Cơ sở kinh doanh do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
II	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	
1	Sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật.	Cơ sở sản xuất do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc được xác định đạt tiêu chí kinh tế trang trại.
2	Sơ chế gắn liền với sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật.	Cơ sở sản xuất do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
III	Chi cục Thủy sản	
1	Nuôi trồng thủy sản thâm canh (cá tra, cá lồng bè, thủy sản khác).	Cơ sở sản xuất do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc được xác định đạt tiêu chí kinh tế trang trại.
2	Tàu cá.	Cơ sở tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên.
IV	Chi cục Quản lý chất lượng NLS&TS	
1	Sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ và được Bộ Nông nghiệp & PTNT phân cấp cho cấp địa phương quản lý.	Cơ sở sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trừ các cơ sở phân công cho các chi cục khác ở Phần I, II, III Phụ lục này).
2	Sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm, vừa	Cơ sở sản xuất, kinh doanh do cấp

	sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ; chợ đầu mối, đấu giá nông sản theo quy định tại Khoản 7 Điều 38 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ và được Bộ Nông nghiệp & PTNT phân cấp cho cấp địa phương quản lý.	tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
V	<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>	
1	Sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ và được Bộ Nông nghiệp & PTNT phân cấp cho cấp địa phương quản lý.	Cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện do cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trừ các cơ sở phân công cho cấp tỉnh ở Phần I, II, III, IV Phụ lục này).
2	Sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm, vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ; chợ đầu mối, đấu giá nông sản theo quy định tại Khoản 7 Điều 38 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ và được Bộ Nông nghiệp & PTNT phân cấp cho cấp địa phương quản lý.	Cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện do cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

PHỤ LỤC 2
PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP CƠ QUAN QUẢN LÝ
ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG, LÂM,
THỦY SẢN KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

*(Ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số 21 /2019/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Cơ quan quản lý	Cơ sở sản xuất, kinh doanh
1	Chi cục Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở nuôi cá tra thâm canh nhỏ lẻ; nuôi trồng thủy sản lồng bè nhỏ lẻ có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Tàu cá có chiều dài từ 6 mét đến nhỏ hơn 15 mét.
2	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cấp huyện cấp, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, trừ nuôi cá tra thâm canh và nuôi trồng thủy sản lồng bè; - Sơ chế nhỏ lẻ; - Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; - Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.
3	Ủy ban nhân dân cấp xã	Cơ sở không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, trừ nuôi cá tra thâm canh và nuôi trồng thủy sản lồng bè; - Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định; - Tàu cá có chiều dài nhỏ hơn 6 mét; - Sơ chế nhỏ lẻ; - Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; - Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.